

Số: 64 /TB- STC

Hung Yên, ngày 08 tháng 7 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc công khai số liệu và thuyết minh thu, chi ngân sách quý II và 06 tháng năm 2021 của tỉnh Hưng Yên

#### 1. Thực hiện thu ngân sách nhà nước

Tính đến hết ngày 30/6/2021, tổng thu NSNN trên địa bàn là 9.861 tỷ đồng, đạt 73% dự toán HĐND giao (bao gồm: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.990 tỷ đồng), cụ thể:

##### 1.1. Thu nội địa.

Thu nội địa 7.870 tỷ đồng, đạt 77% dự toán HĐND giao và tăng 58,3% so với cùng kỳ năm 2020. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, thu nội địa 4.807 tỷ đồng, đạt 60% dự toán giao.

Thu nội địa tính đến 30/6/2021, có 3/13 khoản thu, sắc thuế đạt dưới 50% dự toán; còn lại 10/13 khoản thu, sắc thuế đạt từ 50% dự toán trở lên, trong đó:

- Khu vực DNNN: thu được 128,5 tỷ đồng, đạt 50,6%.
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài: thu được 1.062,4 tỷ đồng, đạt 50,6%
- Khu vực kinh tế NQD: thu được 2.076 tỷ đồng, đạt 59,3%.
- Thuế Thu nhập cá nhân: thu được 592,8 tỷ đồng, đạt 65,9%.
- Thuế bảo vệ môi trường: thu được 196,6 tỷ đồng, đạt 45,1%.
- Lệ phí trước bạ: thu được 227,2 tỷ đồng, đạt 61,1%.
- Thu phí, lệ phí: thu được 55,5 tỷ đồng, đạt 65,4%
- Các khoản thu về nhà, đất: thu được 3.142,6 tỷ đồng, đạt 133,1%.
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thu được 25,5 tỷ đồng, đạt 212,5%.
- Các khoản thu khác: Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 13,3 tỷ đồng, đạt 60,5%; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 9,3 tỷ đồng, đạt 37,2 %; thu khác ngân sách: 340,5 tỷ đồng đạt 200,3%.

**1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** thu được 1.990,8 tỷ đồng, đạt 58,6% dự toán (trong đó hoàn thuế GTGT 1.710,6 tỷ đồng).

## 2. Thực hiện chi ngân sách địa phương

Tính đến 30/6/2021, ngành tài chính đã tập trung triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; các nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản đều đảm bảo theo dự toán, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhìn chung các nhiệm vụ chi ngân sách trong 06 tháng đầu năm đảm bảo tiến độ dự toán. Công tác điều hành và quản lý chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2021 của các đơn vị, địa phương đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra. Một số nhiệm vụ chi còn chưa thực hiện được đúng tiến độ do ảnh hưởng của dịch COVID 19. Tổng chi NSDP tính đến 30/6/2021 đạt 4.715,9 tỷ đồng, đạt 47,2% kế hoạch giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 1.592,3 tỷ đồng, đạt 51,8% dự toán
- Chi thường xuyên: 3.123,6 tỷ đồng, bằng 46,6% dự toán được giao.

Sở Tài chính đã thực hiện rà soát, đối chiếu, kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị dự toán cấp I cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đúng quy định; chủ động, quyết liệt trong việc đôn đốc chủ đầu tư, các đơn vị sử dụng ngân sách đối chiếu, thu hồi số vốn đã tạm ứng và tất toán các dự án, công trình hoàn thành. Thường xuyên phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát chi trong quá trình chấp hành Luật ngân sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời, xử lý nghiêm những trường hợp chi sai, vượt chế độ và định mức quy định hiện hành.

Vậy, sở Tài chính thông báo công khai số liệu thu, chi quý II và 6 tháng năm 2021.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Tài**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II VÀ 06 THÁNG NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số 64 /TB-STC ngày 08 /07/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ II	06 THÁNG	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM 2020
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>13.593,9</b>	<b>4.694,1</b>	<b>9.861,0</b>	<b>72,5</b>	<b>148,7</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>13.593,9</b>	<b>4.694,5</b>	<b>9.861,0</b>	<b>72,5</b>	<b>148,7</b>
1	Thu nội địa	10.193,9	3.587,7	7.870,1	77,2	158,3
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	3.400,0	1.106,7	1.990,8	58,6	120,1
4	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>					
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>9.987,7</b>	<b>2.631,9</b>	<b>5.608,3</b>	<b>57,1</b>	<b>93,0</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>9.385,4</b>		<b>5.608,3</b>	<b>62,4</b>	<b>93,0</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.685,0	165,3	1.592,3	59,3	58,1
2	Chi thường xuyên	6.708,3	1.574,2	3.123,6	46,6	94,9
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4,8	1,5	1,5	31,3	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,0	0	0	0	
5	Dự phòng ngân sách	190,0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>602,2</b>				
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>26,2</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>		<b>2,5</b>	<b>2,5</b>		

## SỞ TÀI CHÍNH

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II VÀ 06 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 64/TB-STC ngày 08/07/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ II	06 THÁNG	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM 2020
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>13.593,9</b>	<b>4.694,1</b>	<b>9.861,0</b>	<b>72,5</b>	<b>147,5</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>10.193,9</b>	<b>3.587,7</b>	<b>7.870,1</b>	<b>77,2</b>	<b>158,3</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	212,0	47,5	128,5	60,6	123,6
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.100,0	472,5	1.062,4	50,6	128,3
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.500,0	747,1	2.076	59,3	183,1
4	Thuế thu nhập cá nhân	900,0	264,2	592,8	65,9	115,1
5	Thuế bảo vệ môi trường	435,0	113,2	196,3	45,1	92,6
6	Lệ phí trước bạ	372,0	123,5	227,2	61,1	136,0
7	Thu phí, lệ phí	84,9	25,8	55,5	65,4	135,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.361,0	1.470,4	3.142,6	133,1	175,9
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	26,0	4,3	5,9	22,7	73,8
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	2.100,0	1.389,9	3.049,9	145,2	178,8
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	235,0	76,0	86,6	36,9	118,6
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	12,0	18,5	25,5	212,5	150,0
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước			0,018		0,2
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	22,0	6,5	13,3	60,5	133,0
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	25,0	6,1	9,3	37,2	20,7
13	Thu khác ngân sách	170,0	301,8	340,5	200,3	318,2
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>3.400,0</b>	<b>1.106,7</b>	<b>1.990,8</b>	<b>58,6</b>	<b>293,7</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	3.140,0	989,3	1.782,4	56,8	118,1
2	Thuế xuất khẩu	17,0	3,7	6,9	40,6	127,8
3	Thuế nhập khẩu	239,0	113,8	200,2	83,8	141,7
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		0,1	0,1		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập	4,0	0,9	1,5	37,5	88,2
6	Thu khác		0,1	0,1		21,7
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>		0,0	0,00		
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>9.309,7</b>	<b>0,0</b>			
1	Từ các khoản thu phân chia	2.982,4	0,0			
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	6.327,2	0,0			

## SỞ TÀI CHÍNH

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II VÀ 06 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 64 /TB-STC ngày 08 /07/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ II	06 THÁNG	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM 2020
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>9.987,7</b>	<b>1.739,5</b>	<b>4.715,9</b>	<b>47,2</b>	<b>78,2</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>9.385,4</b>	<b>1.739,5</b>	<b>4.715,9</b>	<b>50,2</b>	<b>78,2</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.075,3</b>	<b>165,3</b>	<b>1.592,3</b>	<b>51,8</b>	<b>58,1</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án		1.582,3	1.582,3		57,9
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
3	Chi đầu tư phát triển khác		10,0	10,0		100,0
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>6.708,3</b>	<b>1.574,2</b>	<b>3.123,6</b>	<b>46,6</b>	<b>94,9</b>
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.300,8	549,8	1.069,3	46,5	96,9
2	Chi khoa học và công nghệ	30,4	6,3	19,5	64,1	114,7
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	354,2	164,4	355,5	100,4	112,5
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	116,9	10,2	33,0	28,2	64,7
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	64,5	16,8	25,6	39,7	88,3
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		14,6	14,6		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	149,0	23,1	48,5	32,6	77,0
8	Chi sự nghiệp kinh tế	652,5	135,8	219,7	33,7	77,6
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.462,3	399,2	786,0	53,8	96,1
10	Chi bảo đảm xã hội	1.041,7	129,7	326,6	31,4	90,5
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>4,8</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>31,3</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1,0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>190,0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>602,2</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					